Chi tiết mã HS 8204.20.00

Mã HS	8204.20.00
Mô tả hàng hóa	Cờ lê và thanh vặn ốc (bu lông) và đai ốc loại vặn bằng tay (kể cả cờ lê định lực nhưng trừ thanh vặn tarô); đầu cờ lê có thể thay đổi được, có hoặc không có tay vặn / - Đầu cờ lê có thể thay đổi được, có hoặc không có tay vặn
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 10:54:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/82042000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12522
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12522
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12522
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11872
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11815
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11815
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11815
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11815
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11815
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11815
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E11867
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11867
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11867

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11867
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11867
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11867
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11868
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11868
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11868
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11868
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11868
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11868
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11871
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11821
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F11827
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G11827
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H11827
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I11827
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J11827
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K11827
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11860
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11860
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11860
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11860
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11860
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11860
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11905
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11905
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11905

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11905
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11905
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11905
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11890
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11890
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11890
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11890
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11890
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11890
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11890
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11890
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11890
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11890
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11890
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11890
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D11907
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11907
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11907
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11907
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11907
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11907
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D11906
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11906
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11906
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11906
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11906

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11906
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11853
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11853
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11853
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11853
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11853
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11853
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11853
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D11890
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E11890
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F11890
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G11890
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H11890
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I11890
RCEP B	2022	2022	18	B!D11890
RCEP B	2023	2023	16	B!E11890
RCEP B	2024	2024	14	B!F11890
RCEP B	2025	2025	12	B!G11890
RCEP B	2026	2026	10	B!H11890
RCEP B	2027	2027	8	B!I11890
RCEP C	2022	2022	18	C!D11890
RCEP C	2023	2023	16	C!E11890
RCEP C	2024	2024	14	C!F11890
RCEP C	2025	2025	12	C!G11890
RCEP C	2026	2026	10	C!H11890
RCEP C	2027	2027	8	C!I11890

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D11889
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E11889
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F11889
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G11889
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H11889
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I11889
RCEP E	2022	2022	18	E!D11893
RCEP E	2023	2023	16	E!E11893
RCEP E	2024	2024	14	E!F11893
RCEP E	2025	2025	12	E!G11893
RCEP E	2026	2026	10	E!H11893
RCEP E	2027	2027	8	E!I11893
RCEP F	2022	2022	18	F!D11890
RCEP F	2023	2023	16	F!E11890
RCEP F	2024	2024	14	F!F11890
RCEP F	2025	2025	12	F!G11890
RCEP F	2026	2026	10	F!H11890
RCEP F	2027	2027	8	F!I11890
VIFTA	2024	2024	17,1	VI!F10997
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G10997
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H10997
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I10997

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8204.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8204.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12522), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.